



BẢO TỒN, PHÁT HUY VĂN HÓA TRUYỀN THỐNG GẮN VỚI CÔNG TÁC BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

TRẦN ĐỨC VIÊN¹

¹Học viện Nông nghiệp Việt Nam

Tóm tắt:

Bảo tồn và phát huy các giá trị của văn hóa truyền thống đã được cộng đồng và cả xã hội quan tâm kể từ khi Nghị quyết số 03-NQ/TW ngày 16/7/1998 của Hội nghị Trung ương 5 khóa VII ra đời. Sau đó, để dẫn đường cho các giai đoạn phát triển tiếp theo của đất nước, nhiều chủ trương, chính sách liên quan đã được ban hành, đề cập đến tầm quan trọng của văn hóa đối với phát triển kinh tế - xã hội nói chung, bảo vệ môi trường (BVMT) nói riêng, ở các mức độ, khía cạnh khác nhau và điều đó được thể hiện khá rõ nét trong Luật BVMT năm 2020. Hiện nay, nhiều mô hình đề cao văn hóa trong công cuộc BVMT đã được triển khai sâu rộng tại nhiều vùng miền trên cả nước, mang lại hiệu quả tích cực; nhiều bài học kinh nghiệm được đúc rút từ thực tiễn để công tác bảo tồn và phát huy các giá trị cao đẹp của văn hóa trong sự nghiệp BVMT tiếp tục phát huy hiệu quả, hướng đến mục tiêu phát triển bền vững (PTBV) đất nước. Bài viết là kết quả nghiên cứu của Đề tài mã số KX.04/21-25, thuộc Chương trình khoa học và công nghệ trọng điểm quốc gia “Nghiên cứu khoa học lý luận chính trị giai đoạn 2021 - 2025” của Hội đồng Lý luận Trung ương.

Từ khóa: Văn hóa, nhân tố cơ bản, BVMT, bền vững.

JEL Classifications: Q54, Q56, R11.

1. Đặt vấn đề

Văn hóa là một khái niệm rộng và mang nhiều hàm ý, nên có nhiều cách hiểu khác nhau, phụ thuộc vào bối cảnh và đối tượng cụ thể. Theo nhiều tài liệu thì hiện nay có khoảng gần 200 định nghĩa khác nhau về văn hóa. Có người coi văn hóa chính là nếp sống hay lối sống đã trở thành truyền thống của một gia đình, một cộng đồng, một tộc người, một vùng đất, một dân tộc (Nguyễn Việt Huy, Hoàng Thị Cẩm Tú, 2023; Trịnh Thị Hạnh, 2024), bao gồm phong tục, tập quán, truyền thống, niềm tin, nghệ thuật, âm nhạc, ngôn ngữ, hệ giá trị và chuẩn mực xã hội đặc trưng. Nó xác lập các chuẩn mực và thang giá trị, từ đó điều chỉnh hành vi, định hình lối sống hàng ngày của các thành viên, làm nên “gương mặt” của một cộng đồng. Có người lại coi văn hóa là mọi thứ con người làm ra đối lập với tự nhiên; số khác thì cho rằng văn hóa là cung cách ứng xử của một con người, một gia đình, một cộng đồng với đồng loại và với giới tự nhiên (Tran Duc Vien, 2003).

Văn hóa của một cộng đồng, một vùng đất còn được gọi là “văn hóa bản địa”. Đặc trưng của văn hóa bản địa là các bản sắc văn hóa rất riêng của một địa phương, một tộc người, có liên hệ mật thiết với văn

hóa sinh kế - một hệ thống giá trị vật chất và tinh thần mang tính chuẩn mực, trong đó hành vi của cá nhân, của cộng đồng, phương thức kiếm sống của cộng đồng được hình thành, kế thừa, phát triển trong sự tương tác với môi trường tự nhiên và môi trường xã hội. Bản sắc văn hóa được xem là một thực thể vô hình chung nhất, cơ bản nhất của một nền văn hóa (Trần Hồng Lưu, 2022). Văn hóa bản địa đóng vai trò vô cùng quan trọng đối với sự phát triển lâu dài và sự hưng thịnh hay lụi tàn của một cộng đồng, nó thể hiện qua các ý niệm của người bản địa về tự nhiên, về nhân sinh, chứa đựng các giá trị văn hóa truyền thống của mỗi bản làng, mỗi tộc người.

Các cộng đồng dân cư mang lối sống gắn bó mật thiết với thiên nhiên, họ coi rừng, sông, núi không chỉ là nguồn sống mà còn là phần không thể thiếu của văn hóa và tín ngưỡng, đó là những “đặc sản” văn hóa bản địa được kết tinh từ quá trình lao động, thích ứng với điều kiện tự nhiên để duy trì sự tồn tại và PTBV, đảm bảo hài hòa, thân thiện, tôn trọng cảnh quan, điều kiện sinh thái, môi trường địa phương. Văn hóa bản địa hình thành nên ý thức, thái độ, niềm tin của các cộng đồng, từ đó tạo ra hành vi, lối sống trong mối quan hệ với thiên nhiên.

Việt Nam là quốc gia đa dạng về văn hóa với 54 dân tộc anh em, mỗi dân tộc có những nét văn hóa đặc trưng riêng, trong bối cảnh toàn cầu hóa và hiện đại hóa, vấn đề bảo tồn văn hóa bản địa trở nên cấp thiết hơn bao giờ hết. Các yếu tố văn hóa ngoại lai, sự phát triển như vũ bão của công nghệ và lối sống hiện đại đang dần thay thế những giá trị văn hóa truyền thống, khiến nhiều di sản văn hóa (DSVH) có nguy cơ bị mai một (Nguyễn Việt Huy và Hoàng Thị Cẩm Tú, 2023). Điều đó rất cần một chiến lược lâu dài để chúng ta chủ động chống lại các cuộc “xâm lăng văn hóa”, đồng thời vẫn chủ động tiếp thu được tinh hoa văn hóa của các dân tộc khác trên thế giới, phù hợp với đòi hỏi và chuẩn mực văn hóa của cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ 4, để chúng ta vừa không lạc hậu, vừa không lạc điệu với một thế giới đang phát triển rất nhanh, nhưng vẫn lưu giữ, bảo tồn, nâng cao các giá trị văn hóa truyền thống đẹp đẽ và cao quý của người Việt, để văn hóa thực sự là nền tảng tinh thần của xã hội, vừa là mục tiêu, vừa là động lực thúc đẩy sự phát triển kinh tế - xã hội của đất nước.

Bên cạnh đó, Việt Nam đang phải đối mặt với những thách thức lớn về môi trường, suy thoái tài nguyên, ô nhiễm môi trường... Biến đổi khí hậu (BĐKH) đã và đang gây ra nhiều hiện tượng thời tiết cực đoan, ảnh hưởng nghiêm trọng đến đời sống và hoạt động sản xuất của người dân (Bộ TN&MT, 2016). Hơn nữa, sự suy thoái tài nguyên sinh vật (rừng, đa dạng sinh học); suy thoái và ô nhiễm tài nguyên đất, nước, không khí đang là mối đe dọa ở hiện tại cũng như trong tương lai cho sự PTBV của đất nước. Vì vậy, việc kết hợp bảo tồn, đề cao văn hóa để BVMT không chỉ góp phần duy trì bản sắc dân tộc mà còn có vai trò quyết định trong việc hỗ trợ sự PTBV (Hoàng Văn Quynh, 2015). BVMT chính là để cứu lấy con người và thiên nhiên quanh ta; BVMT chính là bảo vệ cho tương lai của nòi giống Việt, của văn hóa Việt. Để đạt được điều này, cần có sự tham gia tích cực của cộng đồng, sự hỗ trợ từ Chính phủ và các tổ chức quốc tế, cùng với đó là đẩy mạnh phát triển các mô hình sinh kế bền vững, chương trình giáo dục nâng cao nhận thức về tầm quan trọng của việc bảo tồn, đề cao vai trò của văn hóa trong BVMT.

2. Bảo tồn, phát huy văn hóa truyền thống gắn với công tác bảo vệ môi trường

2.1. Tính pháp lý của việc bảo tồn, phát huy văn hóa truyền thống trong bảo vệ môi trường

Đảng và Nhà nước ta ngày càng quan tâm sâu sắc, đầy đủ hơn đến công tác bảo tồn và phát triển văn hóa, đặc biệt là đề cao vai trò của văn hóa trong BVMT. Các chủ trương, chính sách quan trọng này có thể được tóm lược như sau.

Giai đoạn trước năm 2010

Với quan điểm nhất quán, xuyên suốt, Đảng và Nhà nước ta luôn khẳng định văn hóa là bộ phận quan trọng nhất cho sự phát triển của đất nước, bởi “Văn hóa là hồn cốt của dân tộc, nói lên bản sắc của dân tộc. Văn hóa còn thì dân tộc còn” (Nguyễn Phú Trọng, 2021). Nghị quyết số 03-NQ/TW, Hội nghị Trung ương 5 khóa VII ngày 16/7/1998 của Ban Chấp hành Trung ương về “Xây dựng và phát triển nền văn hóa Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc” cũng xác định, văn hóa là nền tảng tinh thần của xã hội, vừa là mục tiêu, vừa là động lực thúc đẩy sự phát triển kinh tế - xã hội; nền văn hóa Việt Nam là nền văn hóa thống nhất trong đa dạng của cộng đồng các dân tộc Việt Nam.

Giai đoạn từ năm 2010 - 2020

Quyết định số 1270/QĐ-TTg ngày 27/7/2011 của Thủ tướng Chính phủ đã phê duyệt Đề án “Bảo tồn, phát triển văn hóa các dân tộc thiểu số (DTTS) Việt Nam đến năm 2020”. Trong đó, mục tiêu tổng quát là “Huy động sức mạnh của toàn xã hội nhằm phát triển văn hóa dân tộc, để văn hóa thực sự là nền tảng tinh thần của xã hội, vừa là mục tiêu, vừa là động lực phát triển kinh tế - xã hội, đảm bảo an ninh quốc phòng, bảo đảm toàn vẹn chủ quyền lãnh thổ quốc gia”.

Nghị quyết số 33-NQ/TW ngày 9/6/2014 của Hội nghị lần thứ 9 Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XI về xây dựng và phát triển văn hóa, con người Việt Nam, đáp ứng yêu cầu PTBV đất nước tiếp tục khẳng định quan điểm xây dựng văn hóa thực sự trở thành nền tảng tinh thần vững chắc của xã hội, là sức mạnh nội sinh quan trọng, bảo đảm sự PTBV và bảo vệ vững chắc Tổ quốc, vì mục tiêu dân giàu, nước mạnh, xã hội dân chủ, công bằng, văn minh... Cần phải tiếp thu hài hòa văn hóa các dân tộc, vùng miền của Việt Nam và thế giới, đồng thời đặt nó trong sự nghiệp công nghiệp



hóa, hiện đại hóa để có những quyết sách đúng đắn trong BVMT. Vấn đề này cũng đã được lãnh đạo Đảng, Nhà nước nhiều lần nhấn mạnh “Không đánh đổi môi trường lấy phát triển kinh tế, nhưng cũng không cứng nhắc mà cần bảo đảm sự hài hòa trong phát triển”. Để có được sự “hài hòa” đó chính là đề cao các yếu tố văn hóa trong phát triển kinh tế - xã hội, trong đó có công tác BVMT.

Quyết định số 2493/QĐ-TTg ngày 22/12/2016 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án kiểm kê, sưu tầm, bảo quản, trưng bày, tuyên truyền DSVH truyền thống điển hình của các DTTS Việt Nam giai đoạn 2017 - 2020 nêu cao vai trò của các Bộ, ban, ngành trong việc bảo tồn và phát huy các DSVH truyền thống. Nghị quyết 08-NQ/TW ngày 16/1/2017 của Bộ Chính trị về phát triển du lịch thành ngành kinh tế mũi nhọn đã chỉ rõ trong quá trình phát triển du lịch phải chú trọng bảo tồn và phát huy các DSVH, giá trị truyền thống. Quan điểm nhất quán của Đảng là “Phát triển du lịch bền vững; bảo tồn, phát huy các DSVH, giá trị truyền thống tốt đẹp của dân tộc; BVMT và thiên nhiên; giải quyết tốt vấn đề lao động, việc làm, an sinh xã hội; bảo đảm quốc phòng, an ninh, trật tự an toàn xã hội”, qua đó tạo thêm mối liên kết chặt chẽ hơn về vấn đề bảo vệ, giữ gìn văn hóa bản địa đi đôi với BVMT.

Quyết định số 936/QĐ-TTg ngày 30/6/2017 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình mục tiêu phát triển văn hóa giai đoạn 2016 - 2020, trong đó có bảo tồn và phát huy giá trị các DSVH đặc sắc của dân tộc; phát triển công trình văn hóa hiện đại, có ý nghĩa biểu tượng quốc gia, ý nghĩa chính trị, lịch sử, truyền thống đặc sắc, hướng tới mục tiêu chiến lược xây dựng nền văn hóa Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc. Tiếp đó, ngày 18/11/2019, Quốc hội đã ban hành Nghị quyết số 88/2019/QH14 phê duyệt Đề án tổng thể phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào DTTS và miền núi giai đoạn 2021 - 2030, có ý nghĩa rất quan trọng trong công cuộc phát triển kinh tế - xã hội, BVMT, đồng thời với bảo vệ và phát huy bản sắc văn hóa dân tộc.

Giai đoạn từ năm 2021 - 2030

Khoản 5, Điều 4, Luật BVMT năm 2020 nêu rõ “BVMT phải phù hợp với quy luật, đặc điểm tự nhiên, văn hóa, lịch sử, cơ chế thị trường, trình độ phát triển kinh tế - xã hội; thúc đẩy phát triển vùng đồng bào

DTTS và miền núi”. Khoản 1, Điều 57, Mục 2 cũng quy định “BVMT khu đô thị, khu dân cư tập trung phải thực hiện theo nguyên tắc PTBV gắn với việc duy trì các yếu tố tự nhiên, văn hóa, lịch sử và bảo đảm tỷ lệ không gian xanh, yêu cầu về cảnh quan, vệ sinh môi trường theo quy hoạch”.

Nghị quyết số 11-NQ/TW ngày 10/2/2022 của Bộ Chính trị về phương hướng phát triển kinh tế - xã hội và bảo đảm quốc phòng, an ninh vùng trung du, miền núi Bắc bộ đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045 đề ra mục tiêu vùng trung du, miền núi phía Bắc là vùng phát triển xanh, bền vững, toàn diện, bản sắc văn hóa các dân tộc được bảo tồn và phát huy; đời sống vật chất, tinh thần của nhân dân được cải thiện, nâng cao. Nghị quyết số 96/NQ-CP ngày 1/8/2022 của Chính phủ ban hành Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 11-NQ/TW của Bộ Chính trị cũng đã đưa ra nội dung “Đẩy mạnh phát triển du lịch sinh thái, du lịch cộng đồng gắn với bảo tồn các giá trị văn hóa truyền thống đặc sắc”.

Quyết định số 922/QĐ-TTg ngày 22/8/2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình phát triển du lịch nông thôn trong xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021 - 2025 nhấn mạnh hơn nữa tới vấn đề bảo tồn, phát triển văn hóa gắn với BVMT nông thôn, với quan điểm chủ đạo là “Phát triển du lịch nông thôn theo hướng bền vững, bao trùm, đa giá trị, phù hợp với nhu cầu thị trường trên cơ sở sử dụng hiệu quả, bảo tồn và phát huy giá trị văn hóa truyền thống, làng nghề, các hoạt động nông nghiệp, môi trường sinh thái đặc trưng vùng miền, gắn với chuyển đổi số và đổi mới, sáng tạo”.

Gần đây nhất, ngày 16/4/2024, Chính phủ đã ban hành Nghị định số 39/2024/NĐ-CP quy định biện pháp quản lý, bảo vệ, phát huy giá trị DSVH phi vật thể trong các danh sách của UNESCO và danh mục DSVH phi vật thể quốc gia. Trong đó, tại khoản 22, Điều 4 nêu rõ “Bảo đảm các DSVH phi vật thể được thực hành, hướng con người, cộng đồng tới những giá trị văn hóa tốt đẹp; hướng đến sự phát triển xã hội toàn diện; bảo đảm an toàn cộng đồng và xã hội; BVMT”. Đây là căn cứ pháp lý quan trọng để chúng ta đề cao vai trò của văn hóa trong sự nghiệp BVMT bền vững của toàn dân.

2.2. Môi trường và văn hóa

Quá trình lao động sản xuất tạo ra của cải vật chất của con người trước hết là để nuôi sống bản thân, ngày

qua ngày tạo nên những phương thức sản xuất nhất định. Phương thức sản xuất lại quy định lối sống, lối ứng xử của một cá nhân, một gia đình, một cộng đồng với đồng loại và với thiên nhiên, tức là tạo thành văn hóa của xã hội ấy. Có thể nói, môi trường quy định sự hình thành, phát triển của mỗi một nền văn hóa và ngược lại, văn hóa có những tác động nhất định đến đời sống vật chất cũng như tinh thần của con người. Ngay trong một nước, một vùng quê đều có nhiều nền văn hóa, nhiều nét văn hóa khác nhau, nghĩa là có rất nhiều những hành vi có tác động đến môi trường khác nhau. Về đại thể, có thể chia thành hai loại:

Loại thứ nhất, luôn đối lập con người với thế giới tự nhiên. Khi đề cập đến thái độ ứng xử của con người đối với giới tự nhiên, người ta cho rằng con người khác con vật ở chỗ biết chinh phục và cải tạo thế giới để thỏa mãn nhu cầu của mình, đó là thế giới quan chủ đạo của văn minh phương Tây, sau đó lan ra toàn cầu. Thế giới quan này đối lập với triết lý con người hòa hợp với tự nhiên, thế giới quan chủ đạo trong các nền văn minh phương Đông.

Loại thứ hai, không đặt con người đối lập với thế giới tự nhiên, coi mọi vật ở thế giới này đều có “tính người” và “tính xã hội”. Nền văn hóa này không chỉ sản sinh ra những hành vi tôn trọng môi trường mà còn sản sinh ra những khối lượng kiến thức về môi trường rất đáng khâm phục.

2.3. Bảo tồn văn hóa để bảo vệ môi trường bền vững - Xu hướng tất yếu

Hiện nay, công tác BVMT đang đứng trước nhiều thách thức như: (i) Yêu cầu BVMT với lợi ích kinh tế trước mắt trong đầu tư phát triển; (ii) Tổ chức và năng lực quản lý môi trường còn nhiều bất cập trước những đòi hỏi phải nhanh chóng đưa công tác quản lý môi trường vào nề nếp; (iii) Cơ sở hạ tầng, kỹ thuật BVMT lạc hậu với khối lượng chất thải đang ngày càng tăng lên, các hệ sinh thái bị suy thoái có nguy cơ mở rộng và mất dần khả năng phục hồi; (iv) Nhu cầu ngày càng cao về nguồn vốn cho BVMT với khả năng có hạn của ngân sách nhà nước, sự đầu tư của doanh nghiệp và người dân cho công tác BVMT còn ở mức rất thấp.

Trong sự nghiệp xây dựng, phát triển đất nước, văn hóa được xác định là nền tảng tinh thần của xã hội, là mục tiêu, động lực của sự phát triển. Nếu trong xã hội, văn hóa (cùng với luật pháp) điều chỉnh hành vi,

giúp con người sống và cư xử tốt đẹp theo đúng bản sắc văn hóa của dân tộc, hướng con người đến những giá trị đích thực của Chân - Thiện - Mỹ, thì trong lĩnh vực môi trường, văn hóa hướng con người có nhận thức đúng, đầy đủ và toàn diện hơn về vai trò, trách nhiệm của bản thân mỗi người, mỗi cộng đồng trong sự nghiệp BVMT.

Tri thức bản địa là những kiến thức địa phương, gần như là duy nhất và đặc trưng cho một nền văn hóa nào đó (UNESCO, 2010). Tri thức bản địa đóng vai trò rất quan trọng trong quá trình hình thành, phát triển của các cộng đồng dân cư, của mỗi địa phương. Do đó, việc để mất đi tri thức bản địa không chỉ đơn thuần là bỏ phí một nguồn lực để phát triển mà còn là việc bỏ qua sự tham gia của cộng đồng dân cư vào quá trình phát triển (Paul Mundy, 1993). Trong quản lý tài nguyên, BVMT, làm giàu và sử dụng tri thức bản địa tại địa phương sẽ tạo ra cơ chế trao quyền, hỗ trợ người dân khai thác, sử dụng, bảo vệ hiệu quả tài nguyên thiên nhiên, góp phần xóa đói giảm nghèo bền vững. Đây là nền tảng vững chắc cho những quyết định liên quan tới an ninh lương thực, sinh kế người dân; bảo tồn, phát huy các giá trị văn hóa; khai thác và sử dụng tài nguyên thiên nhiên hợp lý; BVMT sinh thái, hướng tới PTBV.

Như vậy, bảo tồn và phát huy văn hóa bản địa gắn với công tác BVMT là xu hướng tất yếu, nhằm đảm bảo hài hòa mối quan hệ giữa con người với con người và con người với tự nhiên.

2.4. Một số mô hình tiêu biểu về lồng ghép yếu tố văn hóa trong các hoạt động BVMT

Hiện nay việc lồng ghép yếu tố văn hóa, tri thức bản địa, tín ngưỡng trong các hoạt động BVMT đã và đang được quan tâm, thúc đẩy. Một số hoạt động, mô hình tiêu biểu như:

Lồng ghép việc bảo tồn văn hóa bản địa với phát triển du lịch và BVMT

Với sự đa dạng, phong phú về văn hóa của các dân tộc anh em, của các vùng quê, du lịch cảnh quan kết hợp với tìm hiểu văn hóa bản địa Việt Nam đã trở thành thể mạnh và hướng đi mới của nhiều tỉnh/thành trong cả nước (Nguyễn Trùng Khánh, 2023). Mô hình du lịch nông thôn của đồng bào dân tộc Dao, làng Nậm Đăm, xã Quản Bạ, huyện Quản Bạ, tỉnh Hà Giang được xem là một trong những mô hình du lịch nông thôn điển hình của khu vực miền núi phía Bắc.



Với vị trí địa lý nằm ở khu vực có nhiều điểm du lịch nổi tiếng như cao nguyên đá Đồng Văn, thung lũng Sinh Là, cột cờ Lũng Cú, núi Cấm Sơn, cánh đồng lúa bậc thang Hoàng Su Phì, đèo Mã Pí Lèng, sông Nho Quế, thổ canh hốc đá của đồng bào H'Mông... hoạt động du lịch ở khu vực Nậm Đăm luôn gắn với bảo tồn những giá trị DSVH nông nghiệp, bảo tồn các nguồn gen quý về thực vật và động vật, những giá trị văn hóa nông nghiệp bản địa gắn với công tác BVMT làng bản. Đây là mô hình du lịch mang lại nhiều giá trị cho cuộc sống của các hộ gia đình và đa dạng hóa sản phẩm du lịch trong quần thể điểm đến du lịch của tỉnh Hà Giang.

Có thể thấy, việc phát triển các nét đặc sắc của văn hóa bản địa không chỉ góp phần quảng bá được giá trị văn hóa tới các cộng đồng khác, tạo nên sự giao thoa về văn hóa giữa vùng, miền, địa phương mà còn gia tăng thu nhập cho cộng đồng, từ đó phát triển kinh tế, tạo động lực phát triển xã hội nói chung. Đây là định hướng phát triển du lịch phù hợp với mục tiêu trong Quyết định số 922/QĐ-TTg ngày 22/8/2022 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt Chương trình phát triển du lịch nông thôn trong xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021 - 2025.

Lồng ghép nội dung BVMT trong các luật tục, quy định của cộng đồng

Việc lồng ghép các nội dung BVMT, sử dụng hợp lý tài nguyên thiên nhiên dựa trên phong tục, tập quán, tôn giáo, tín ngưỡng (nét đặc sắc văn hóa bản địa), sẽ mang lại hiệu quả quản lý cao và bền vững hơn so với các công cụ quản lý khác mang tính hành chính của Nhà nước.

Có thể kể tới một số luật tục về BVMT của các đồng bào DTTS nước ta như: Đồng bào Ê đê ở Tây Nguyên đã có những quy định nghiêm ngặt về BVMT (bảo vệ rừng, chim thú, đất đai, nguồn nước...). Người Ê đê quan niệm, rừng là mái nhà của cộng đồng, mất rừng thì đất sẽ bị xói mòn, nước bị cạn kiệt, con người và muôn thú sẽ bị diệt vong, vì vậy, bảo vệ rừng là bảo vệ sự sống của cộng đồng. Hàng năm, người Ê đê đều làm lễ cúng bến nước, với hoạt động vệ sinh bến nước, làm cho nguồn nước sạch hơn, đồng thời quy định mỗi người chỉ được săn bắt tối đa 30 con thú trong suốt cuộc đời, khi săn tới con thú thứ 30 thì phải bỏ cung, nỏ vĩnh viễn.

Đồng bào Mường thì có quy định rất nghiêm ngặt về khai thác măng tre: Trước ngày 20/6 âm lịch hàng năm (thời điểm măng tre phát triển mạnh nhất), mọi người không được phép khai thác (kể cả do nhà mình tự trồng), ai vi phạm sẽ phải nộp phạt một con lợn. Người Thái lại đưa ra quy định tuyệt đối không được khai thác cây trong rừng phòng hộ ở khu vực đầu nguồn nước, vì đây thường là khu vực rừng thiêng, rừng ma; những nơi có thể khai thác tre, nứa, gỗ làm nhà thì tuyệt đối không được chặt đốt làm nương.

Từ những ví dụ kể trên cho thấy, trong bản thân văn hóa bản địa của mỗi dân tộc đều hàm chứa nhiều quy định, nội dung liên quan đến việc sử dụng hợp lý tài nguyên thiên nhiên và BVMT, từ đó giúp cho công tác quản lý tài nguyên, môi trường ở các địa phương đạt hiệu quả cao và bền vững.

Lồng ghép các hoạt động tôn giáo, tín ngưỡng để bảo tồn, phát huy văn hóa trong BVMT

Việt Nam là quốc gia đa tôn giáo, cũng là quốc gia tôn trọng tự do tôn giáo, tín ngưỡng. Theo thống kê của Ban Tôn giáo Chính phủ năm 2022, Việt Nam có 16 tôn giáo khác nhau, trong đó đạo Phật có gần 46 triệu tín đồ quy y tam bảo (năm 2022) và đạo Thiên chúa có trên 7,2 triệu tín đồ (năm 2022), đây là hai tôn giáo có số tín đồ lớn nhất (Ban Tôn giáo Chính phủ, 2023).

Đạo Phật nhìn nhận thiên nhiên như là nền tảng cho sự sống, là cái nôi tạo nên sự sống của muôn loài, trong đó có loài người. Hệ tư tưởng và giáo lý của đạo Phật chứa đựng nhiều tư tưởng thân thiện với môi trường, lòng từ bi, bác ái đối với muôn loài, lấy đó làm nền tảng cho sự tu tập của cõi nhân sinh, coi đó là chân lý giản đơn của cuộc sống, là đạo hiếu nhân nghĩa của con người, là cánh cửa tình thức của an lạc. Thiên Chúa giáo lại có nhiều tư tưởng gắn gũi với môi trường. Sự thể tục hóa của Thiên Chúa giáo đối với BVMT không chỉ được thể hiện qua việc phát triển hệ thống kinh sách, giáo lý liên quan đến môi trường mà còn thể hiện đặc biệt rõ qua các lời kêu gọi, hành động cụ thể về bảo tồn thiên nhiên và đa dạng sinh học trên toàn cầu. Với các tín đồ Kitô, việc gìn giữ, BVMT thiên nhiên không chỉ là trách nhiệm xã hội mà còn là đòi hỏi của niềm tin, là nghĩa vụ cao cả, bởi khi đó họ sẽ được cộng tác với Thiên Chúa trong công trình tạo dựng một xã hội ngày một tốt đẹp hơn... Dù theo tín ngưỡng nào, thì triết lý của các tín ngưỡng đó đều răn dạy, việc BVMT

có vai trò rất to lớn đối với cả con người lẫn các loài động, thực vật xung quanh (chúng sinh), vì thế, BVMT là bảo vệ chính cuộc sống của chúng ta, của con cháu chúng ta.

2.5. Khó khăn, vướng mắc trong việc bảo tồn, phát huy văn hóa gắn với công tác BVMT

Khó khăn, vướng mắc trong công tác bảo tồn, phát huy văn hóa gắn với BVMT nông thôn hiện nay xuất phát chủ yếu từ mâu thuẫn giữa bảo tồn và phát triển. Bảo tồn mang lại lợi ích to lớn về văn hóa và về lâu dài là lợi ích kinh tế, giữ gìn được các nét đặc trưng của phong tục, tập quán địa phương, môi trường, cảnh quan chung và quan trọng nhất là văn hóa cốt yếu của mỗi vùng, làm bệ đỡ cho phát triển kinh tế - xã hội bền vững. Tuy nhiên, nếu chỉ bảo tồn mà không phát triển kinh tế, nâng cao thu nhập cho người dân, thì theo thời gian, sẽ dễ làm cho các giá trị văn hóa tưởng như vĩnh hằng bị xói mòn, biến dạng, vì vậy, ưu tiên hàng đầu là phải kiến tạo nền văn hóa sinh kế, không gian văn hóa cho những điều tốt đẹp tồn tại và phát huy.

Ngược lại, nếu chỉ phát triển mà không quan tâm đúng mức đến bảo tồn, thì do tính chất nhạy cảm và dễ bị tổn thương của văn hóa bản địa, một quá trình phát triển nào đó sẽ dễ dẫn đến tự phát, ô ạt, thiếu kiểm soát, bị thương mại hóa quá mức, làm méo mó, mất bản sắc, phá vỡ tính nguyên vẹn của di sản, mai một truyền thống và lối sống địa phương, gia tăng chia rẽ cộng đồng, xung đột lợi ích, mâu thuẫn về quyền tiếp cận tài nguyên (Lê Thị Bích Thủy, 2023).

Như vậy, việc hài hòa, cân bằng lợi ích giữa bảo tồn và phát triển văn hóa bản địa gắn với BVMT nông thôn vẫn đang là một bài toán khó, rất cần sự can thiệp, hỗ trợ từ cơ chế, chính sách của Nhà nước để tạo động lực, nguồn lực thực sự cho các cộng đồng địa phương.

3. Bài học và khuyến nghị

3.1. Bài học từ thực tế

Từ thực tế, có thể rút ra một số bài học kinh nghiệm sau:

Thứ nhất, bảo tồn văn hóa bản địa gắn với BVMT là việc làm tất yếu, đảm bảo nguyên tắc “để cộng đồng tự quản lý môi trường của mình” trong PTBV của các địa phương. Đây là phương thức để thực hiện việc trao quyền và tăng cường sự tham gia của người dân trong các hoạt động để cao văn hóa vào công cuộc BVMT.

Thứ hai, bảo tồn văn hóa bản địa gắn với BVMT cần chú ý đảm bảo lợi ích về kinh tế, phát triển sinh kế bền vững cho các cộng đồng dân cư, hướng tới sự gắn kết hữu cơ, hài hòa giữa phát triển kinh tế, xã hội với BVMT.

Thứ ba, phát huy văn hóa bản địa trong BVMT cần phải có sự chọn lọc giá trị văn hóa tiên tiến, phù hợp với thời đại, hài hòa với tự nhiên. Đối với những nét văn hóa lạc hậu, lỗi thời, đã trở thành hủ tục hoặc không còn phù hợp với các hoạt động bảo tồn thiên nhiên, BVMT thì cần phải được xem xét loại bỏ hoặc điều chỉnh, cải tiến cho phù hợp với sự phát triển kinh tế - xã hội của đất nước.

Thứ tư, văn hóa bản địa bao hàm nhiều trí thức quý báu của các cộng đồng dân cư về nơi họ sinh sống và làm việc, các tri thức này có thể ứng dụng tốt trong quản lý TN&MT. Tuy nhiên, các tri thức bản địa cần phải được hệ thống hóa, sử dụng kết hợp với kiến thức khoa học tiên tiến và công nghệ - kỹ thuật hiện đại để đạt được hiệu quả tối ưu nhất.

Thứ năm, cần thiết phải có những quy định, cơ chế cụ thể trong việc phát huy vai trò của các luật tục hoặc quy định của cộng đồng trong BVMT. Phải lồng ghép nội dung BVMT theo chủ trương của Đảng và Nhà nước vào các quy định của thôn bản, cộng đồng (quy ước, luật tục), đảm bảo đi vào cuộc sống của cộng đồng một cách tự nhiên và đạt hiệu quả cao nhất.

Thứ sáu, giải pháp cần thiết để bảo tồn văn hóa bản địa và BVMT bao gồm ba nhóm chính: (i) Giáo dục nâng cao nhận thức; (ii) Tăng cường sự tham gia và hợp tác của các cộng đồng; (iii) Hoàn thiện thể chế với chính sách hỗ trợ phù hợp để những can thiệp được triển khai một cách thuận lợi nhất có thể. Về mặt nguyên lý, giải pháp cho sự PTBV của cộng đồng và quốc gia phải được xây dựng dựa trên sự cân bằng giữa bảo tồn văn hóa, BVMT và phát triển kinh tế - xã hội.

3.2. Khuyến nghị một số giải pháp

Để việc bảo tồn, phát triển văn hóa bản địa gắn liền với công tác BVMT nông thôn đạt hiệu quả cao, chúng ta cần quan tâm đầy đủ, đúng mức đến một số vấn đề sau:

(1) Nhà nước và các cơ quan chức năng cần sớm ban hành quy định, cơ chế cụ thể để khuyến khích việc lồng ghép yếu tố văn hóa với các hoạt động



▲ Làng Nậm Dăm, xã Quân Bạ, huyện Quân Bạ, tỉnh Hà Giang - Một trong những địa phương tiêu biểu thực hiện lồng ghép yếu tố văn hóa trong các hoạt động BVMT

BVMT, cụ thể là lồng ghép việc đề cao vai trò của văn hóa trong công cuộc BVMT vào chương trình xây dựng nông thôn mới, xóa đói giảm nghèo bền vững; các chương trình mục tiêu quốc gia khác; các dự án, đề án phát triển kinh tế - văn hóa - môi trường - xã hội của địa phương. Mặt khác, chủ trương, chính sách về bảo tồn văn hóa bền vững cũng cần phát huy vai trò của người dân trong việc nâng cao hiệu quả, tác động của văn hóa địa phương đối với BVMT, nhất là trong điều kiện BĐKH đang diễn biến ngày càng phức tạp và khó lường.

(2) Tôn trọng và lưu giữ cấu trúc kinh tế - văn hóa - xã hội của cộng đồng, nhất là cộng đồng các DTTS, nhằm bảo tồn bản sắc văn hóa độc đáo, riêng biệt, đặc hữu của mỗi vùng, mỗi tộc người; gắn bảo tồn DSVH, tri thức bản địa với PTBV và BVMT.

(3) Hệ thống hóa tri thức bản địa của các cộng đồng, vùng miền trong cả nước thành những tài liệu khoa học để lưu trữ, phổ biến và ứng dụng rộng rãi hơn trong đời sống thực tế. Coi phát huy văn hóa bản địa là một công cụ hữu hiệu để đạt được các mục tiêu về BVMT và phát triển kinh tế, tăng cơ hội, khả năng tham gia của cộng đồng trong những quyết định liên quan tới quản lý tài nguyên và BVMT.

(4) Tiếp tục khuyến khích và đẩy mạnh các mô hình du lịch sinh thái, du lịch cộng đồng, quản lý tài nguyên thiên, quản lý môi trường dựa vào cộng đồng nhằm đạt được hiệu quả tổng hợp trên cả khía cạnh BVMT, phát triển kinh tế và đảm bảo đời sống văn hóa, tinh thần cho người dân.

(5) Đẩy mạnh tuyên truyền nhằm nâng cao nhận thức BVMT cho cộng đồng cư dân và các cấp quản lý về những lợi ích của việc phát huy, đề cao văn hóa bản địa trong công tác BVMT; kết hợp với đào tạo, đào tạo lại, nghe hiểu, thực hành từ trải nghiệm và tự giáo dục, giáo dục lẫn nhau trong việc gìn giữ, phát huy văn hóa trong công tác BVMT.

4. Kết luận

Con người cá nhân, con người xã hội và tự nhiên vốn là một hệ thống thống nhất, ở đó con người với các hoạt động sống, sản xuất đã tạo ra những đặc trưng xã hội cụ thể cho mỗi vùng miền, giúp họ sống hòa nhập, gắn kết với tự nhiên. Do đó, bảo tồn văn hóa bản địa là con đường tất yếu để con người hay các cộng đồng sống hòa hợp, dung hòa với môi trường sống của chính mình, là cách để BVMT bền vững. Trong điều kiện phát triển mạnh mẽ của khoa học kỹ thuật, các tri thức bản địa vẫn còn nguyên giá trị quý báu, việc sử dụng

kết hợp các tri thức bản địa với kiến thức khoa học và công nghệ tiên tiến sẽ tạo ra hiệu quả tổng hợp, giúp Nhà nước vừa đạt được mục tiêu BVMT, phát triển kinh tế, vừa giữ gìn, phát huy được những nét văn hóa đặc sắc của 54 dân tộc anh em. Để bảo tồn và phát huy giá trị DSVH bản địa gắn với BVMT nông thôn, cần thiết phải cụ thể hóa chủ trương, cơ chế, chính sách của Đảng và Nhà nước ở cấp địa phương, đồng thời coi đây

là vấn đề quan trọng, cấp thiết liên quan đến sự phát triển của các “vùng văn hóa bản địa”. Đặc biệt, trong bối cảnh hội nhập hiện nay, đòi hỏi cần có sự nỗ lực từ nhiều phía vào quá trình phát triển kinh tế - văn hóa - xã hội - môi trường của cộng đồng, trong đó khung pháp lý có vai trò mở đường và kiến tạo nên những giá trị mới■

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Ban Tôn giáo Chính phủ, 2023. Tôn giáo và chính sách tôn giáo ở Việt Nam. NXB Tôn giáo.
2. Báo Nông nghiệp Việt Nam, 2024. Lễ phải, đạo đức cá nhân và trách nhiệm xã hội. <https://nongnghiep.vn/le-phai-dao-duc-ca-nhan-va-trach-nhiem-xa-hoi-d379931.html>.
3. Bộ TN&MT, 2016. Kịch bản BĐKH và nước biển dâng cho Việt Nam, Tài nguyên - Môi trường và Bản đồ Việt Nam, Hà Nội.
4. Đặng Hoàng Hải, 2022. Cơ sở biên soạn và mô hình cấu trúc bách khoa thư DSVH phi vật thể các DTTS Việt Nam. Những vấn đề bách khoa thư, 8.
5. Đỗ Lai Thúy, 2024. Con người phải là trọng tâm của việc chấn hưng văn hóa. Tạp chí điện tử Người đô thị; <https://nguoidothi.net.vn/con-nguoi-phai-la-trong-tam-cua-viec-chan-hung-van-hoa-42490.html>.
6. Hồ Sĩ Quý, 2023. Đông và Tây: Về triết lý con người "chinh phục tự nhiên" và "hòa hợp với tự nhiên". https://nghienccuquocte.org/2023/08/05/dong-va-tay-ve-triet-ly-con-nguoi-chinh-phuc-tu-nhien-va-hoa-hop-voi-tu-nhien/#_ftn9.
7. Hoàng Thị Hoa, 2021. Bảo tồn và phát huy giá trị DSVH của đồng bào các DTTS. Chiến lược và chính sách dân tộc 10 (2), 6. <https://doi.org/https://doi.org/10.25073/0866-773X/537>.
8. Hoàng Văn Quỳnh, 2015. Luật tục bảo vệ tài nguyên thiên nhiên và môi trường ở Việt Nam (Qua Luật tục của một số DTTS ở Tây Bắc và Tây Nguyên). VNU Journal of Science: Social Sciences and Humanities 31 (3).
9. Lê Thị Bích Thủy, 2023. Phát huy giá trị DSVH của các DTTS trong phát triển du lịch bền vững hiện nay. Chiến lược và chính sách dân tộc 12 (1), 26 - 31.
10. Nguyễn Khắc Giang, 2021. Tinh Việt. VNExpress; <https://vnexpress.net/tinh-viet-4393576.html>.
11. Nguyễn Phú Trọng, 2021. Ra sức xây dựng, giữ gìn và phát huy những giá trị đặc sắc của nền văn hóa Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc. Tạp chí Cộng sản, p. 3.
12. Nguyễn Quang Dương, 2001. Dự án trồng mới 5 triệu ha rừng. Nông nghiệp và phát triển nông thôn.
13. Nguyễn Trùng Khánh, 2023. Phát triển du lịch gắn với bảo tồn, phát huy các giá trị văn hóa, BVMT, thúc đẩy PTBV trong bối cảnh mới. Tạp chí cộng sản [Online, 28/8/2023].
14. Nguyễn Việt Huy và Hoàng Thị Cẩm Tú, 2023. Yếu tố văn hóa bản địa trong thiết kế kiến trúc đương đại. <https://www.tapchikientruc.com.vn/chuyen-muc/yeu-to-van-hoa-ban-dia-trong-thiet-ke-kiem-truc-duong-dai.html>.
15. Paul Mundy, 1993. Indigenous Knowledge and Communication: Current Approaches. Submitted to Development. The Journal of the Society for International Development. http://www.mamud.com/Docs/ik_and_ic.pdf.
16. Phạm Xuân Hoàng, Phạm Thị Xuân Nga, Nguyễn Thị Lặng, 2022. Luật tục Ê-đê về bảo vệ tài nguyên môi trường trong mối tương quan với pháp luật hiện nay. Khoa học xã hội Việt Nam (5), 12.
17. Tran Duc Vien, 2003. Culture, Environment, and Farming Systems in Vietnam's Northern Mountain Region. Southeast Asian Studies 41 (2), 180 - 205.
18. Trần Hồng Lưu, 2022. Động lực văn hóa để PTBV đất nước trong điều kiện hiện nay. Tạp chí Khoa học xã hội 3 (282), 39 - 48.
19. Trịnh Thị Hạnh, 2024. Biến đổi văn hóa sinh kế trong phát triển du lịch ở Việt Nam hiện nay. Văn hóa truyền thống và phát triển 13 (2), 100 - 106. <https://doi.org/https://doi.org/10.54163/ncdt/299>.
20. Trịnh Thị Thủy, 2020. Bảo tồn và phát huy giá trị văn hóa của đồng bào các DTTS giai đoạn 2011 - 2020, những đề xuất cho giai đoạn 2021 - 2023. Chiến lược và chính sách dân tộc. 10(1): p. 6.
21. Trương Quốc Bình, 2016. Bảo vệ và phát huy giá trị kho tàng DSVH phục vụ sự nghiệp PTBV ở Việt Nam. VNU Journal of Science: Social Sciences and Humanities 32 (1S).
22. UNESCO, 2010. Teaching and learning for a sustainable future; Module 11: Indigenous knowledge and sustainability. http://www.unesco.org/education/tlsf/docs/module_11.doc.